

Số: 50/2019/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 18 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.Đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. (25b)✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương bao gồm các thông tin, dữ liệu theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng (trừ thông tin, dữ liệu lĩnh vực biển và hải đảo).

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, cố ý làm mất thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Giả mạo, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Mua bán, chuyển giao, hủy trái phép thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Mang thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ra nước ngoài trái phép.

5. Sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Lợi dụng việc cung cấp thông tin, dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin, dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách Nhà nước bảo đảm; căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành, Trung ương ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán kinh phí chuyển Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ theo quy định.

2. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ, chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xác định, lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật và đề xuất kế hoạch thu thập (nếu có) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả.

Điều 8. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các Sở, ban, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo đúng thời hạn, đủ thông tin theo kế hoạch được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu nhận, tạo lập hoặc tạo ra thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ dữ liệu dạng giấy (*bản gốc, bản chính*) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD. Việc giao nộp phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu

1. Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, chỉnh lý, tổng hợp, xử lý thông tin, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Lưu trữ, tu bổ thông tin, dữ liệu:

a) Dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản;

b) Việc lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;

c) Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, lưu trữ, tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu số:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin; có các biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, an toàn máy tính và an ninh mạng;

b) Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin, thực hiện

kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn thông tin.

Điều 11. Thời hạn lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu

Thời hạn lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BTNMT ngày 27/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 12. Hủy thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hết giá trị

1. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết giá trị hoặc bị trùng lặp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết việc hủy tài liệu.

2. Hủy tài liệu hết giá trị được thực hiện theo quy định tại Điều 28, Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011.

Chương III

**KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN,
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 13. Xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là phần rút gọn của thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, được công bố để phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Quy trình xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng (*sau đây gọi là Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT*).

Điều 14. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu phải được công bố đầy đủ theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (*sau đây gọi là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP*). Thời gian công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được cập nhật thường xuyên theo tình hình thực tế.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương trên Trang thông tin điện tử của Sở và đề xuất công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 15. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

2. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

Điều 16. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu có nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định.

2. Mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Chương IV

**KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

Điều 17. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 18. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do mình quản lý theo quy định;

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu bố trí kinh phí phục vụ hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án duy trì, nâng cấp hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách và các quy định khác có liên quan;

d) Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu xây dựng quy định về các vấn đề công nghệ thông tin có liên quan; hướng dẫn, giám sát việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

Điều 19. Bảo vệ quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

đ) Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

g) Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc khi thẩm định, nghiệm thu sản phẩm các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải kiểm tra, xem xét tính pháp lý và trích dẫn nguồn khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định;

h) Thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Xem xét, thẩm định dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm.

4. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh;

b) Trong quá trình thẩm định, nghiệm thu sản phẩm các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải kiểm tra, xem xét tính pháp lý và trích dẫn nguồn khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định;

c) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Điều 28 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và tuân thủ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp, nếu phát hiện có sai sót cần thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu để có hướng xử lý theo quy định.

4. Sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải có nguồn gốc rõ ràng.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái